

**BIÊN BẢN**

**Về việc công khai bản đối chiếu tài chính  
Trường tiểu học An Thái tháng 12/2022**

Thời gian: vào lúc 08h00, ngày 03 tháng 01 năm 2023

Địa điểm: Tại văn phòng trường Tiểu học An Thái

Đã tiến hành lập biên bản niêm yết bản công khai đối chiếu kinh phí ngoài ngân sách T12/2022, các khoản phục vụ lại cho học sinh, đối với các nguồn kinh phí ngoài ngân sách 2022-2023 của trường tiểu học An Thái, niêm yết tại bảng công khai tại văn phòng trường.

**Thành phần lập biên bản:**

- |                            |                              |
|----------------------------|------------------------------|
| 1. Đ/c Đỗ Văn Hoan         | – Hiệu trưởng                |
| 2. Đ/c Phạm Thị Thanh Hòa  | – Phó HT- Chủ tịch công đoàn |
| 3. Đ/c Nguyễn Thị Thu Thủy | – Kế toán                    |

**Nội dung:**

Trường tiểu học An Thái đã tiến hành lập biên bản niêm yết:

- Bản công khai đối chiếu tài chính T12/2022 gồm có:

- + Thu chi trích lập quỹ phúc lợi tháng 12/2022
- + Thu chi quỹ dự phòng ổn định tăng thu nhập tháng 12/2022
- + Thu chi quỹ chăm sóc SKBĐ tháng 12/2022
- + Thu chi quỹ tiền ăn, bảo mẫu, ga, cấp dưỡng Bán trú tháng 12/2022
- + Thu chi tiền quỹ cơ sở vật chất bán trú đầu năm tháng 12/2022
- + Thu chi tiền buổi 2 tháng 12/2022

Công khai tại bảng công khai văn phòng nhà trường từ ngày 03/01/2023 đến hết 02/02/2023.

Trong thời gian công khai , nếu có ý kiến cần xác minh, giải trình đối với các nội dung công khai xin liên hệ bộ phận chuyên môn liên quan đến nội dung công khai.

  
HIỆU TRƯỞNG  
ĐỖ VĂN HOAN

Đơn vị công bố thông tin: **Trường Tiểu học An Thái**

- Địa chỉ: Ấp Phú Thịnh I, xã An Thái - Phú Giáo - Bình Dương

- Số điện thoại (nếu có): 02743661604

**CÔNG KHAI THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC : 2022 -2023 ( tháng 12/2022)**

Đơn vị: đồng

| Các khoản thu                                     | Số tiền           | Sử dụng nguồn thu                                                                                                            | Số tiền           |
|---------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>I. Trích lập quỹ phúc lợi</b>                  |                   |                                                                                                                              |                   |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>            | <b>136,800</b>    |                                                                                                                              |                   |
| Thu                                               | 0                 | Chi                                                                                                                          | 0                 |
| <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>0</b>          | <b>Tổng cộng:</b>                                                                                                            | <b>0</b>          |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                           | <b>136,800</b>    |                                                                                                                              |                   |
| <b>II. Quỹ ổn định dự phòng TTN</b>               |                   |                                                                                                                              |                   |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>            | <b>38,165,833</b> |                                                                                                                              |                   |
| Thu                                               |                   |                                                                                                                              | 0                 |
| <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>0</b>          | <b>Tổng cộng:</b>                                                                                                            | <b>0</b>          |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                           | <b>38,165,833</b> |                                                                                                                              |                   |
| <b>III. Quỹ CSSKBĐ</b>                            |                   |                                                                                                                              |                   |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>            | <b>5,754,592</b>  |                                                                                                                              |                   |
| Thu tháng 12/2022                                 | 13,271,068        | Chi tiền mua cùn sắt khuôn tay HĐ 918 ngày 12/12/2022                                                                        | 1,155,000         |
| <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>13,271,068</b> | <b>Tổng cộng:</b>                                                                                                            | <b>1,155,000</b>  |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                           | <b>17,870,660</b> |                                                                                                                              |                   |
| <b>IV. Quỹ Tiền ăn bán trú</b>                    |                   |                                                                                                                              |                   |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>            | <b>0</b>          |                                                                                                                              |                   |
| Thu tiền ăn bán trú tháng 12/2022                 | 71,757,000        |                                                                                                                              |                   |
|                                                   |                   | Chi tiền mua thực phẩm (gạo, thịt cá, rau, củ quả) đồ gia vị tháng 12/2022 cho Cơ sở cung cấp hàng nông sản Nguyễn Thành Đạt | 57,592,100        |
|                                                   |                   | Chi tiền mua bánh Flan, Yaourt cho công ty TNHH Thương Mại UTN tháng 12/2022                                                 | 14,164,900        |
| <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>71,757,000</b> | <b>Tổng cộng:</b>                                                                                                            | <b>71,757,000</b> |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                           | <b>0</b>          |                                                                                                                              |                   |
| <b>V. Quỹ công nấu cấp dưỡng</b>                  |                   |                                                                                                                              |                   |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>            | <b>0</b>          |                                                                                                                              |                   |
| Thu tiền công nấu cấp dưỡng bán trú tháng 12/2022 | 9,849,000         |                                                                                                                              |                   |
|                                                   |                   | Chi tiền cho công nấu cấp dưỡng tháng 12/2022                                                                                | 9,849,000         |
| <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>9,849,000</b>  | <b>Tổng cộng:</b>                                                                                                            | <b>9,849,000</b>  |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                           | <b>0</b>          |                                                                                                                              |                   |
| <b>VI. Quỹ ga nấu bán trú</b>                     |                   |                                                                                                                              |                   |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>            | <b>1,592,380</b>  |                                                                                                                              |                   |
| Thu tiền ga, điện, nước bán trú tháng 12/2022     | 4,221,000         |                                                                                                                              |                   |
|                                                   |                   | Chi tiền ga tháng 12/2022                                                                                                    | 3,538,597         |

|                                                |                   |                                                   |                   |
|------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------|-------------------|
| <b>Tổng cộng:</b>                              | <b>5,813,380</b>  | <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>3,538,597</b>  |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                        | <b>2,274,783</b>  |                                                   |                   |
| <b>VII. Quỹ đồ dùng vệ sinh BT</b>             |                   |                                                   |                   |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>         | <b>147,800</b>    |                                                   |                   |
| Thu tiền đồ dùng vệ sinh bán trú tháng 12/2022 | 1,369,000         | Chi tiền mua sắm nước rửa chén, nước lau nhà      | 1,245,000         |
|                                                |                   | Chi mua bao tay nilon chia thức ăn                | 183,600           |
| <b>Tổng cộng:</b>                              | <b>1,516,800</b>  | <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>1,428,600</b>  |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                        | <b>88,200</b>     |                                                   |                   |
| <b>VIII. Tiền CSVC bán trú đầu năm</b>         |                   |                                                   |                   |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>         | <b>5,143,240</b>  |                                                   |                   |
| Thu tiền CSVC bán trú đầu năm                  |                   | Chi mua đồ dùng bán trú                           | 5,143,240         |
| <b>Tổng cộng:</b>                              | <b>5,143,240</b>  | <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>5,143,240</b>  |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                        | <b>0</b>          |                                                   |                   |
| <b>IX. Quỹ buổi hai</b>                        |                   |                                                   |                   |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>         | <b>69,247,100</b> |                                                   |                   |
| Thu buổi 2 năm học 2022-2023                   | 7,472,900         | Chi mua vật tư chuyên môn: nam châm, bảng phụ     | 2,752,900         |
|                                                |                   | Chuyển tiền mua văn phòng phẩm                    | 603,900           |
|                                                |                   | Chuyển tiền mua vìm vệ sinh, nước lau sàn         | 2,065,000         |
|                                                |                   | Chuyển tiền mua hộp mực, sửa máy in, máy chiếu    | 4,980,000         |
|                                                |                   | Chuyển tiền nước sạch                             | 31,500            |
|                                                |                   | Chuyển tiền QL+GV buổi 2                          | 65,212,000        |
|                                                |                   | Chuyển mua giấy a4, sổ hộp                        | 1,074,700         |
| <b>Tổng cộng:</b>                              | <b>76,720,000</b> | <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>76,720,000</b> |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                        | <b>0</b>          |                                                   |                   |
| <b>X. Quỹ Bảo mẫu</b>                          |                   |                                                   |                   |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>         | <b>0</b>          |                                                   |                   |
| Thu tháng 12/2022                              | 8,953,000         | Chi tiền cho quản lý, bảo vệ phụ vụ T12/2022      | 2,685,900         |
|                                                |                   | Chi tiền cho giáo viên trực tiếp giữ lớp T12/2022 | 6,267,100         |
| <b>Tổng cộng:</b>                              | <b>8,953,000</b>  | <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>8,953,000</b>  |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                        | <b>0</b>          |                                                   |                   |


**Trưởng ban quản lý quỹ**  
 (Chủ tài khoản)  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THÁI**  
**ĐỖ VĂN HOAN**

